TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** TỈNH PHÚ YÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:13 /2019/HS-ST
Ngày: 22/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU – TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Tấn Thành

2/ Ông Nguyễn Ngọc Chẩn

Thư ký phiên toà: Bà Quách Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 21 và 22 tháng 5 năm 2019 tại tru sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/HSST-QĐ ngày 06 tháng 4 năm 2019, đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn D. Sinh năm 1970, (tên gọi khác: Không có tên gọi khác); Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn LT, xã XL, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Như C (chết) và bà Phan Thị M (chết). Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1963. Con ruột: 02 người, sinh năm 1991 và sinh năm 1994.Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên Tòa.

2/ Nguyễn Thành S. Sinh năm 1972, (tên gọi khác: Không có tên gọi khác); Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn CL, xã XL, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Thành L, 69 tuổi và bà Nguyễn Thị R, 72 tuổi. Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1975.Con ruột: 02 người sinh năm 1993 và sinh năm 2001.Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên Tòa.

Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng phòng hộ thị xã Sông Cầu. Ông Nguyễn Tiến H Phó giám đốc phụ trách đại diện theo pháp luật.

Người đại diện thẻo ủy quyền ông Nguyễn Vũ B- Phó trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật- Ban quản lý rừng phòng hộ thị xã Sông Cầu, có mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Nguyễn Hữu H – phó Trạm quản lý và bảo vệ rừng Cù Mông.

2/ Huỳnh Ngọc K, sinh năm 1977 – Nhân viên Trạm quản lý và bảo vệ rừng Cù Mông; Địa chỉ: KP2 phường PĐ, thành phố Tuy Hòa, Phú Yên. Tất cả đều có mặt.

** Người làm chứng:*

1/ Nguyễn Văn U, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn DT, XB, thị xã Sông Cầu, Phú Yên. Vắng mặt

2/ Huỳnh Văn Đ,sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn BT, XB, thị xã Sông Cầu, Phú Yên. Có mặt

3/Trần X, sinh năm 1938; Địa chỉ; Thôn CL, xã XL, thị xã Sông Cầu, Phú Yên. Vắng mặt

4/ Trần Văn T, sinh năm 1973; Địa chỉ; Thôn ML, xã XL, thị xã Sông Cầu, Phú Yên. Vắng mặt

5/ Bùi Xuân Q, sinh năm 1977; Địa chỉ; Thôn ML, xã XL, thị xã Sông Cầu, Phú Yên. Vắng mặt

6/ Bùi Xuân H, sinh năm 1988; Địa chỉ; Thôn TL, xã XL, thị xã Sông Cầu, Phú Yên. Vắng mặt

7/Trần B, sinh năm 1972; Địa chỉ: 329/49 đường TX 52 KDP4, P T X, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6/2017 ông Trần X cùng con trai là Trần B có thỏa thuận bán cho Nguyễn Văn D và Nguyễn Thành S diện tích rừng keo trồng trên diện tích 03 ha mà năm 1996 ông X được L trường giao khoán để khai thác. Có vị trí Đông giáp rừng trồng lâm trường. Tây giáp suối nhỏ. Nam giáp rừng trồng ông C. Bắc giáp rừng phòng hộ thuộc tiểu khu 6,9,11,12 Đèo Cù Mông, xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu. Ông Trần X là người làm thủ tục xin khai thác tại UBND xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu. Ông Nguyễn Văn U cán bộ lâm nghiệp xã Xuân Lộc được UBND xã Xuân Lộc cử phối hợp với ông Huỳnh Ngọc K là cán bộ trạm quản lý rừng Cù Mông thuộc ban quản lý rừng phòng hộ thị xã Sông Cầu tiến hành xác minh, xác định diện tích diện tích 1,8 ha rừng keo có tuổi từ 4- 5 năm không phải rừng của ban quản lý rừng phòng hộ trồng, nên được UBND xã Xuân Lộc phê duyệt cho khai thác. Do giá keo ở thời điểm khai thác có giá thấp, nên ông Xi thống nhất chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 03 ha, trong đó có 1,8 ha đã trồng keo cho ông D và ông S và xác định vị trí đất ông X và đất rừng phòng hộ cho D và S biết. Tuy nhiên, D và S thống nhất khi khai thác lấn sang rừng phòng hộ của Ban quản lý rừng phòng hộ. Do vậy đến tháng 8, 9 năm 2017, D và S thuê nhân công là người đồng bào dùng máy cưa, rựa phát dọn, chặt phá cây và lấn phần diện tích 8.592m^2 thuộc khoảnh 3,6 tiểu khu 11, gây thiệt hại về lâm sản 59,793m3 gỗ (trong đó gỗ dân dụng 14,568m3, gỗ nguyên liệu 45,405m3) thuộc rừng phòng hộ do BQL rừng phòng hộ thị xã Sông Cầu quản lý. D và S biết lấn diện tích rừng của Nhà nước nhiều, nên kịp dừng lại không cho nhân công khai phá tiếp.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 20/10/2017, anh Nguyễn Hữu H là Phó trưởng Trạm quản lý, bảo vệ rừng Cù Mông, Huỳnh Ngọc K phối hợp cùng với Nguyễn Văn U là Cán bộ Lâm nghiệp xã Xuân Lộc tuần tra, kiểm tra phát hiện tại khoảnh 3, 6 tiểu khu 11 xã Xuân Lộc thuộc Lâm phần của Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Cầu rừng trồng keo lá tràm đã bị chặt phá, có nhiều cây keo ngã nằm tại hiện trường. Sau đó, báo cáo vụ việc cho Công an thị xã Sông Cầu điều tra làm rõ.

Tại Kết luận giám định tư pháp số 119/KLGĐ-CCKL ngày 02/02/2018 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh kết luận: Tổng diện tích rừng là 13000m^2 thuộc khoảnh 3,6 tiểu khu 11, xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên được qui hoạch chức năng rừng phòng hộ (Phê duyệt tại Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 12/12/2007 của UBND tỉnh Phú Yên);trạng thái rừng trồng; loài cây Keo,trữ lượng rừng/ha 64,066$m^{3;}$ Gỗ 83,286m^3.

Tại kết luận giám định số 895/KLGĐ-CCKL ngày 10/8/2018 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh kết luận:Tổng diện tích là 8.592m^2 thuộc khoảnh 3, 6 tiểu khu 11, xã Xuân lộc, thị xã Sông Cầu; trữ lượng rừng/ha 82,847m^3; trạng thái rừng trồng; cây trồng: Keo; nhóm VI. Thiệt hại về lâm sản: 59,793m^3 gỗ (Gỗ dân dụng 14,568m^3, gỗ nguyên liệu 45,405m^3).

Tại Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG ngày 21/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: Giá trị thiệt hại về rừng là 205.838.250 đồng trong đó thiệt hại về lâm sản là 41.167.650 đồng; thiệt hại về môi trường là 164.670.600 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 45A/KL-HĐĐG ngày 15/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: Giá trị thiệt hại về gỗ dân dụng 07 cây keo bị xẻ hộp khối lượng 3.728m^3 là 2.982.400 đồng.

Tại Kết luận giám định số 55/KLGĐ-CCKL ngày 18/01/2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên kết luận: Diện tích rừng là 8.592m^2 thuộc khoảnh 3, 6 tiểu khu 11, xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu được qui hoạch chức năng rừng sản xuất (Phê duyệt tại Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Phú Yên về việc chuyển mục đích sử dụng từ các loại rừng này sang loại rừng khác, phòng hộ, đặc dụng, sản xuất).

Tại bản Cáo trạng số 07/CT -VKS ngày 21/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Thành S về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo D, S khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu đã nêu và khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố các bị cáo về tội "Hủy hoại rừng" là đúng, không oan gì cho các bị cáo. Nên các bị cáo đã khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra cho Ban quản lý rừng phòng hộ thị xã Sông Cầu số tiền 120.000.000đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Vũ B khẳng định: Nguyễn Văn D và Nguyễn Thành S đã chặt phá keo lá tràm diện tích 8.592m^2 là rừng phòng hộ tại khoảnh 3, 6 tiểu khu 11, nhưng tháng 12/2018 đã được chuyển mục đích sử dụng sang loại rừng khác, phòng hộ, đặc dụng, sản xuất theo quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Phú Yên đã phê duyệt. Nên

yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 41.167.650đ đối với thiệt hại về lâm sản và 82. 335.300đồng thiệt hại về môi trường. Các bị cáo đã bồi thường trước 120.000.000đ, còn lại 3.502.950 đồng, yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa khẳng định Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 21/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố các bị cáo về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ. Nên giữ nguyên Cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả xảy của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Thành S phạm tội "Hủy hoại rừng". Áp dụng khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999, Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Phú Yên về việc chuyển mục đích sử dụng từ các loại rừng này sang loại rừng khác, phòng hộ, đặc dụng, sản xuất; Nghị quyết số 41/2017/ QH14 ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 cho cả hai bị cáo. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Nguyễn Thành S từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn D và bị cáo Nguyễn Thành S cho UBND xã Xuân Lộc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự xác định tổng thiệt hại cả về lâm sản và về môi trường là 123.502.950đ. Các bị cáo đã bồi thường trước 120.000.000đ, còn lại 3.502. 950đồng đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự.

Các bị cáo nhận tội, không tham gia tranh luận với Viện kiểm sát mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thị xã Sông Cầu đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo bị truy tố: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Bản kết luận thiệt hại về tài sản, thiệt hại về môi trường và phù hợp với các tài liệu, chứng khác có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ cơ sở xác định chính các bị cáo D, S đã trực tiếp thuê nhân công là người đồng bào dùng cưa, rựa chặt phá rừng phòng hộ trên diện tích 8.592m^2 vào thời điểm tháng 8, 9 năm

2017 nên hành vi của hai bị cáo phạm vào tội Hủy hoại rừng theo khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 có khung hình phạt đến mười lăm năm tù. Tuy nhiên, diện tích rừng phòng hộ đã được chuyển mục đích sang rừng sản xuất theo Quyết định số: 2320/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt, gây thiệt hại về lâm sản là 41.167.950 và gây thiệt hại về môi trường theo xác định của BQL rừng phòng hộ thị xã Sông Cầu là 82.335.300 đồng. Do đó, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 và khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để làm lợi cho các bị cáo, nên hành vi các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội " Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3].Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ chặt phá rừng trồng của BQLý rừng phòng hộ là vi phạm pháp luật. Nhưng vì lợi nhuận nhỏ với mục đích lấn chiếm cho đủ diện tích 03 ha mà ông Trần X bán cho các bị cáo, mà các bị cáo đã gây thiệt hại về gỗ và gây thiệt hại nghiêm trọng về môi trường, xâm phạm đến sự bền vững và ổn định của môi trường, làm gia tăng các biến đổi khí hậu do tác hại của việc hủy hoại rừng gây ra, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên đại bàn xã Xuân Lộc nói riêng và thị xã Sông Cầu nói chung. Nên cần xử lý đúng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra.

[4] Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, đã tự nguyện bồi thường 120.000.000đ cho BQLý rừng phòng hộ thị xã Sông Cầu, chỉ còn lại 3.502.950đồng, tại phiên tòa các bị cáo xin tiếp tục bồi thường. Ngoài lần phạm tội này, các bị cáo không có lần phạm tội nào khác, ở địa phương chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Bản thân bị cáo D được UBND tỉnh tặng bằng khen nông dân sản xuất giỏi, có thành tích trong việc truy bắt tội phạm. Bị cáo sang hoàn thành nghĩa vụ quân sự về địa phương lo lao động, sinh sống. Nên không nhất thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) và là nông dân, không có thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự xác định: Thiệt hại về L sản 41.167.950đ, thiệt hại về môi trường 82.335.300đồng, tổng cộng là 123. 502.000đồng, các bị cáo đã bồi thường 120.000.000đồng trong đó bị cáo Dũng 60.000.000đồng, bị cáo Sang 60.000.000đồng, còn lại 3.502.000đồng đề nghị các bị cáo tiếp tục bồi thường. Không yêu cầu gì khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[6] Xem xét, đánh giá hành vi của những người liên quan.

Đối với diện tích rừng phòng hộ giao khoán, Trần X, Trần B thực hiện việc chuyển nhượng cho Nguyễn Văn D và Nguyễn Thành S không đúng quy định. Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Cầu đã có văn bản về việc sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng khoán và tổ chức thu hồi diện tích khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016của Chính Phủ quy định về khoán

rừng, vườn cây và diện tích và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp nhà nước.

Đối với Nguyễn Thái N là Phó Chủ tịch UBND xã Xuân Lộc phê duyệt cho phép khai thác Keo lá tràm trong diện tích giao khoán 03 ha, Ban quản lý rừng phòng hộ thị xã Sông Cầu xác định thẩm quyền cho phép khai thác không đúng nhưng quá trình điều tra xác minh diện tích 4.408m^2 trong 03 ha, Nguyễn Văn D và Nguyễn Thành S không thừa nhận đã chặt phá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu chưa xác định được ai là người có hành vi chặt phá, thời điểm chặt phá nênkhông đủ cơ sở xác định Nguyễn Thái N về hành vi "Vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng và hành vi "Vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ rừng", nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau.

Đối với các nhân công là người dân tộc thiểu số là người được các bị cáo D, S thuê chặt phá diện tích rừng 8.592m^2 theo lời khai của Nguyễn Văn D và Nguyễn Thành S, nhưng quá trình điều tra không xác định họ tên, địa chỉ nên không có đủ cơ sở để xác minh xử lý.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Thành S phạm tội "Hủy hoại rừng"

[2]. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 cho các bị cáo Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Thành Sang.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 năm 06 tháng (Một năm sáu tháng) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/5/2019).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành S 01 năm 06 tháng (Một năm sáu tháng) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/5/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Văn D và bị cáo Nguyễn Thành S cho UBND xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu, tỉnhPhú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

[3] Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Thành S.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 357; Điều 468; Điều 584, Điều 585, Khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Thành S liên đới tiếp tục phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Cầu số tiền: 3.502.000đồng, mỗi bị cáo là 1.751.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành , thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Thành S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Bị cáo, nguyên đơn dân sự người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND cùng cấp.
- CQĐT Công an TX Sông Cầu;
- Cơ quan THAHS CATX. Sông Cầu;
- Chi cục THADS TX Sông Cầu;
- Các Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tôn